

Bản án số: 02/2018/HNGĐ - PT
Ngày: 18/9/2018
V/v “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LC**

Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Tố Nga.

Các Thẩm phán:
Bà Trần Thị Hòa;
Bà Phạm Thị Liễu.

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LC.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LC: Bà Trần Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh LC, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02 /2018/HNGĐ - PT ngày 24/5/2018 về việc “Xin ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ - ST ngày 18/4/2018 của Toà án nhân dân huyện TU, tỉnh LC bị kháng cáo và bị kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hà Giang N - sinh năm 1982;
Trú tại: Khu 2 Thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC (có mặt).
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1986;
Trú tại: Khu 2 Thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC (có mặt).
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* Bà Nguyễn Thị Thu Dung, Công ty TNHH 1 thành viên xây dựng Trung Thành.
Trú tại khu 3 Thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC. (vắng mặt).

* Ủy ban nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

- Đại diện theo pháp luật của UBND huyện TU: Ông Nguyễn Sỹ Cảnh - Chủ tịch.

+ Đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND huyện TU là ông Bùi Huy Phương - Phó Chủ tịch. Trú tại: Khu 26, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện TU.

+ Ông: Vũ Hữu Mạnh - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TU, tỉnh LC (có mặt).

+ Ông Đỗ Anh Tuấn, Phó chủ tịch UBND thị trấn TU huyện TU, tỉnh LC. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Hà Giang N và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Anh N và chị H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2009; có đăng ký kết hôn tại thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống có hạnh phúc, đến năm 2013 cả hai vợ chồng chuyển công tác lên huyện TU và chung sống với bố, mẹ anh N. Tháng 10 năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh N yêu cầu được ly hôn với chị H, chị H cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hà Minh Anh, sinh ngày 01/8/2010, đang ở cùng chị H, anh N nhường quyền cho chị H được nuôi con chung, anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến khi con Hà Minh Anh trưởng thành (18 tuổi), chị Huyền đồng ý nuôi con chung và đồng ý việc anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết.

Đối với chị H có yêu cầu giải quyết về tài sản gồm: Một nhà xây cấp 04 tại khu 5a Thị trấn TU, huyện TU và một mảnh đất 119 m² trên đất có một nhà xây 01 tầng, 01 tum tại khu 26 thị trấn Tân Uyên, huyện TU, mảnh đất này mang tên chị Nguyễn Thị Thu H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 444440, do UBND huyện TU cấp ngày 18/8/2014, nhưng ngày 11/3/2015 UBND huyện TU lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 444790 mang tên bà Phạm Thị V (mẹ chồng chị), chị H yêu cầu Toà án giải quyết trả lại giấy CNQSD đất mang tên chị và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà V. Trong thời gian Toà án cấp sơ thẩm giải quyết, anh chị đã tự thoả thuận chia nhà cấp 04 tại khu

5a Thị trấn TU sang cho chị H được toàn quyền sử dụng. Tại phiên toà sơ thẩm anh N cho rằng anh không biết mảnh đất tại khu 26 thị trấn TU.

Về nợ chung: Năm 2013 vợ chồng anh, chị làm nhà cấp 04 tại thị trấn TU huyện TU còn nợ tiền vật liệu xây dựng của bà Nguyễn Thị Thu D, Công ty TNHH 1 thành viên xây dựng Trung Thành số tiền 20.156.000 đồng. Nay vợ chồng ly hôn chị yêu cầu anh N có trách nhiệm cùng chị trả nợ cho bà D. Anh, chị đã thoả thuận anh N trả 11.000.000 đồng, chị H trả 9.156.000 đồng cho bà D.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu D thừa nhận anh N và chị H còn nợ tiền vật liệu xây dựng là 20.156.000 đồng, nay anh N, chị H ly hôn bà yêu cầu trả số tiền trên. Tại cấp sơ thẩm có đưa UBND huyện TU và bà Phạm Thị V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không đưa họ vào tham gia phiên toà.

Bản án sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 18/4/2018 của Toà án nhân dân huyện TU xét xử và quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 116, 117/ Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Giang N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn: Công nhận sự thoả thuận giữa anh Hà Giang N và chị Nguyễn Thị Thu H như sau: Chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hà Minh Anh, sinh ngày 01/8/2010 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng; việc cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên nhất trí anh Hà Giang N trả 11.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thu H trả 9.156.000 đồng cho Công ty TNHH 1 thành viên xây dựng Trung Thành.

Tách yêu cầu giải quyết mảnh đất tại khu 26, thị trấn TU, huyện TU tỉnh LC của chị Nguyễn Thị Thu H và hướng dẫn để chị H khởi kiện thành vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 chị Nguyễn Thị Thu H có kháng cáo với nội dung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2017; ngày 03/4/2018 và biên bản hoà giải ngày 13/11/2017, chị đều có yêu cầu xem xét, giải quyết tài sản là 01 mảnh đất, trên đất có nhà tại khu 26 thị trấn TU, chị có đóng góp 50.000.000 đồng nhưng năm 2015 lại

sang tên bà Phạm Thị V (mẹ chồng chị), chị H đề nghị giải quyết trả lại mảnh đất từ bà V sang tên chị và đề nghị xem xét việc giả mạo giấy tờ sang bà Phạm Thị V là trái quy định của pháp luật.

Chị không đồng ý việc Toà án cấp sơ thẩm tách yêu cầu giải quyết mảnh đất tại khu 26 Thị trấn TU của chị để chị khởi kiện thành vụ án khác. Đề nghị Toà án giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ, chồng trong cùng vụ án.

Đề nghị Toà án xét xử lại trả cho chị Giấy CNQSD đất số Bo 444440 do Ủy ban nhân dân huyện TU đã cấp ngày 18/8/2014 cho chị. Ngày 20/6/2018 chị H có đơn bổ sung đơn kháng cáo với nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N thuận tình ly hôn (khi đã giải quyết xong phần tài sản), nhưng Toà án sơ thẩm lại tuyên xử, Toà án huyện TU chỉ có thể công nhận thuận tình ly hôn.

Về tài sản chung: Chị vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO444790 (đang mang tên bà V) để trả lại cho chị quyền sử dụng đất. Toà án cấp sơ thẩm không triệu tập bà V và bố, mẹ để chị tham gia phiên toà.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện TU có kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT VKS-DS ngày 02/5/2018 đối với bản án số 01 ngày 18/4/2018 của TAND huyện TU các nội dung sau:

1, Vi phạm về chưa thu thập đầy đủ chứng cứ (Điều 97/BLTTDS): Trong quá trình giải quyết vụ án chị H nhiều lần đề nghị giải quyết mảnh đất 119 m² tại khu 26, thị trấn Tân Uyên mang tên chị, làm rõ việc sang tên bà V. Thời gian tạm ngừng phiên toà, Toà án không tiến hành lấy lời khai của các đương sự, không đối chất khi lời khai có mâu thuẫn, không giải quyết yêu cầu của chị H vì mảnh đất phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, trên đất có nhà, chị H đóng góp 50.000.000 đồng, chị yêu cầu giải quyết trong cùng một vụ án. Cấp sơ thẩm tách phần tài sản trong thời kỳ hôn nhân là mảnh đất khu 26 ra khỏi việc giải quyết vụ án này khi chưa làm rõ là tài sản riêng đang tranh chấp với bà V hay không, Viện kiểm sát đã có văn bản yêu cầu Toà án thu thập chứng cứ, điều tra xác minh, phiên toà đã tạm ngừng nhưng Toà án không thực hiện.

2, Vi phạm về xác định tư cách tham gia tố tụng (Điều 68/BLTTDS).

Bà Phạm Thị V là người có liên quan đến mảnh đất 119 m² tại khu 26 thị trấn TU, do bà giả mạo chữ ký chị H làm hợp đồng tặng cho sang bà V được UBND huyện TU cấp bìa đỏ, nhưng Toà án không đưa Ủy ban nhân dân huyện TU và bà V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vi phạm khoản 4 điều 68/BLTTDS.

3, Vi phạm về thẩm quyền về giải quyết vụ án (Điều 34 BLTTDS).

Trong vụ án bà V có hành vi gian dối làm thủ tục giả mạo chữ ký của chị H để Ủy ban nhân dân huyện TU cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V. Đề

giải quyết yêu cầu chia tài sản đối với mảnh đất này của chị H thì phải xem xét hủy giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà V và đưa UBND huyện TU vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó thẩm quyền giải quyết thuộc Toà án nhân dân tỉnh LC, Toà án cấp sơ thẩm phải chuyển hồ sơ lên tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền, vi phạm khoản 04 điều 32 Luật tố tụng hành chính và khoản 2, 4 điều 34/Bộ luật tố tụng dân sự.

Những vi phạm trên của Toà án nhân dân huyện TU về thẩm quyền, thủ tục tố tụng và việc xác minh, thu thập chứng cứ dẫn đến nội dung giải quyết không đúng quy định của pháp luật, không khách quan toàn diện và đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến tính đúng đắn của pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì các lẽ trên Quyết định kháng nghị đối với bản án số 01/2018/HNGĐ - ST ngày 18/4/2018 của Toà án nhân dân huyện TU về phân tài sản. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh LC xét xử phúc thẩm theo hướng trên.

Để làm rõ việc cấp sơ thẩm có đưa Ủy ban nhân dân huyện TU và bà V vào tham gia tố tụng hay không, Toà án cấp phúc thẩm có triệu tập Ủy ban nhân dân huyện TU và bà V đến toà để nắm rõ việc kháng cáo của chị H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TU.

Tại phiên toà phúc thẩm chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LC vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LC tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và tính hợp pháp của bản án sơ thẩm; quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 26, 34, 38, 147 Điều 246, 306, 308, 309/Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 213, 219/ Bộ luật dân sự 2015; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TU. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2018 /HNGĐ -ST ngày 18/4/2018 của Toà án nhân dân huyện TU. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về phần quan hệ hôn nhân, con chung, công nợ chung. Chị H có quyền khởi kiện ra Toà án nhân dân tỉnh về phần kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Giang N xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án quy định tại khoản 1 điều 28 /Bộ luật tố tụng dân sự và điều 8, Điều 9, điều 56, Điều 81, 82, 83/Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Nội dung kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm chị Nguyễn Thị Thu H cho rằng: Về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung chị và anh N đều thoả thuận được (anh N cũng công nhận) mà Toà án cấp sơ thẩm lại tuyên xử anh, chị được ly hôn là không đúng. Xét thấy căn cứ vào điều 212, 246/Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án cấp sơ thẩm phải Công nhận sự thoả thuận của anh N và chị H đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm hôm nay anh N và chị H đều khẳng định tình cảm hai bên đã hết và vẫn giữ nguyên sự thoả thuận này, Toà án cấp phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm để Công nhận sự thoả thuận của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của chị H không chấp nhận việc tách yêu cầu giải quyết mảnh đất tại khu 26 Thị trấn TU thành vụ án khác là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Về kháng cáo này của chị H là có căn cứ. Tuy nhiên ngoài yêu cầu chia tài sản là ngôi nhà trên mảnh đất tại khu 26 Thị trấn TU, chị còn yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO444790 cấp ngày 11/3/2015 mang tên bà Phạm Thị V do Uỷ ban nhân dân huyện TU cấp để trả lại quyền sử dụng đất cho chị.

Căn cứ vào điều 34/Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp tỉnh, do đó chị H có thể khởi kiện bằng một vụ án khác đề nghị Toà án giải quyết quyền lợi của chị mà không ảnh hưởng đến quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TU:

Vi phạm về việc chưa thu thập đầy đủ chứng cứ; Vi phạm về tư cách tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án có liên quan đến mảnh đất 119 m² tại khu 26, thị trấn TU, không đưa bà Phạm Thị V và Uỷ ban nhân dân huyện TU vào tham gia tố tụng và vi phạm thẩm quyền giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung kháng nghị đều liên quan đến việc giải quyết mảnh đất tại khu 26, thị trấn TU, Toà án cấp sơ thẩm không xác minh, không đưa bà V và Uỷ ban nhân dân huyện TU vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện TU kháng nghị là có căn cứ.

Tuy nhiên xét toàn diện vụ án thì việc giải quyết mảnh đất tại khu 26 thị trấn TU và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh phải giải quyết vụ kiện khác. Lẽ ra khi có yêu cầu của chị H Toà án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn chị H làm đơn yêu cầu phản tố và thông báo nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật, nhưng Toà án cấp sơ thẩm không thực hiện là vi phạm tố tụng. Do đó, để giải quyết quyền lợi của mình, chị H phải làm đơn yêu cầu và nộp án phí theo quy định của pháp luật để Toà án giải quyết theo thủ tục chung. Quyền lợi của chị H chưa được giải quyết thì sẽ được giải quyết khi có đơn yêu cầu. Do đó, không nhất thiết phải huỷ bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TU. Sửa bản án số 01/2018/HNGĐ - ST ngày 18/4/2018 của Toà án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 246; Điều 293; khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313/Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1, Áp dụng Điều 59/Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2, Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H và một phần kháng nghị số 01/QĐKNPT của Viện kiểm sát nhân dân huyện TU. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ -ST ngày 18/4/2018 của Toà án nhân dân huyện TU, tỉnh LC cụ thể: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Giang N và chị Nguyễn Thị Thu H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hà Minh Anh, sinh ngày 01/8/2010. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến khi cháu Hà Minh Anh trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Anh N có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản trở.

Về nợ chung: Anh N có trách nhiệm trả 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), chị H trả 9.156.000 đồng (chín triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Thu D công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng Trung Thành. Trú tại khu 3 Thị trấn TU, huyện TU tỉnh LC.

Giành quyền yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về giải quyết tài sản là ngôi nhà trên mảnh đất tại khu 26, thị trấn TU, huyện TU và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 444790 ngày 11/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện TU bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

3, Về án phí sơ thẩm: Anh Hà Giang N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 550.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. (Xác nhận anh N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002553 ngày 25/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TU), anh N còn phải nộp tiếp 700.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí có giá ngạch. Chị H phải nộp 457.800 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí phúc thẩm (Xác nhận chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng

theo biên lai số AA/2010/0003404 ngày 02/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC), nay được hoàn lại.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2018).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh LC;
- TAND huyện TU;
- VKSND huyện TU;
- Chi cục THADS TU;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Tố Nga